

Bản án số: 03/2026/HS – ST

Ngày: 29 – 01 – 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – KHÁNH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Thanh Long**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lăng và bà Mai Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thụy Anh Đào – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Khánh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc H – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Khánh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2025/HSST ngày 17 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2026/QĐXXST – HS ngày 14 tháng 01 năm 2026, đối với các bị cáo:

1.Họ và tên: **Phạm Văn T**, sinh ngày 22/3/2006 tại Khánh Hòa. Nơi cư trú: thôn M, xã V, tỉnh Khánh Hòa. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Phạm Văn T1, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1981; Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

2.Họ và tên: **Nguyễn Văn H1**, sinh ngày 29/10/2003 tại Khánh Hòa. Nơi cư trú: thôn M, xã V, tỉnh Khánh Hòa. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1971 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1974; Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 26/01/2021 Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận (cũ) xử phạt 1 năm 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích theo bản án số 02/2021/HS-ST. Ngày 20/8/2021 Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận (cũ) xử phạt 11 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, buộc Nguyễn Văn H1 phải chấp hành hình phạt chung 20 tháng tù, theo bản án số 23/2021/HS-ST. Bị cáo hiện đang được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

1. Ông Phạm Xuân N – sinh năm 1981 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
Nơi cư trú: thôn M - xã V - tỉnh Khánh Hòa.

2. Ông Phạm Xuân H2 – sinh năm 1993 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
Nơi cư trú: thôn M - xã V - tỉnh Khánh Hòa.

3. Ông Phan Hữu An K – sinh năm 1987 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).
Nơi cư trú: tổ dân phố A - phường B - tỉnh Khánh Hòa.

4. Ông Nguyễn Kỳ Đ – sinh năm 1977 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn M - xã V - tỉnh Khánh Hòa.

5. Ông Phan Văn T2 – sinh năm 1971 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn M - xã V - tỉnh Khánh Hòa.

6. Ông Phạm Phú N1 – sinh năm 1979 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn M - xã V - tỉnh Khánh Hòa.

7. Ông Nguyễn Văn Q – sinh năm 1992 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn K - xã V - tỉnh Khánh Hòa.

8. Ông Phạm T3 – sinh năm 1989 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn M - xã V - tỉnh Khánh Hòa.

9. Ông Bùi Công T4 – sinh năm 1984 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn M - xã V - tỉnh Khánh Hòa.

10. Ông Nguyễn Đ1 – sinh năm 1978 (vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn M - xã V - tỉnh Khánh Hòa.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Ngô Thị D – sinh năm 1986 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn M - xã V - tỉnh Khánh Hòa.

2. Ông Trần Đăng V – sinh năm 1977 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: thôn M - xã V - tỉnh Khánh Hòa.

3. Bà Phạm Thị L – sinh năm 1974 (có mặt).

Nơi cư trú: thôn M - xã V - tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên ngày 04/4/2025 Phạm Văn T đã rủ Nguyễn Văn H1 cùng đi tìm tài sản của người dân tại địa bàn xã V, tỉnh Khánh Hòa để trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài thì H1 đồng ý. Từ ngày 04/4/2025 đến ngày 24/4/2025 T và H1 đã thực hiện tổng cộng 08 vụ trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 00 giờ ngày 04/4/2025, T điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Dream, biển số 85B1-335.90 chở H1 cầm theo 01 cây kéo màu trắng, dài khoảng 25cm, từ nhà H1 đến Công trình dự án Resort S nho thuộc địa phận thôn M, xã V, tỉnh Khánh Hòa. Khi đến công trình, T dừng xe mô tô ở cạnh hàng cây dương bên bờ biển rồi cùng H1 đi bộ vào khu vực công trình dự án Spa nho. T và H1 phát hiện 01 xe ô tô ben và 01 xe trộn bê tông đang đỗ, không có người trông coi, T và H1 tiến lại 02 xe này thì thấy mỗi xe có gắn 02 cái bình ắc quy, H1 dùng kéo lần lượt cắt các sợi dây điện kết nối nguồn điện giữa bình với thiết bị của xe ô tô ben và xe trộn bê tông. Sau khi H1 cắt dây điện xong, T và H1 mỗi người bung 02 bình ắc quy rồi quay lại chỗ hàng dương nơi đã cất giấu xe trước đó, H1 chở T ngồi sau ôm 04 bình ắc quy về bãi rác tại thôn M, xã V cất giấu. Đến khoảng 10 giờ ngày 04/4/2025, H1 điều khiển xe mô tô chở T đến bãi rác thôn M chở bình ắc quy đi bán, T và H1 bán 04 bình ắc quy này tại hai tiệm phế liệu khác nhau thuộc địa phận xã V được số tiền 1.200.000 đồng. T và H1 chia nhau mỗi người 600.000 đồng và đã tiêu xài hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 23 giờ ngày 06/4/2025, T tiếp tục điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu Dream, biển số 85B1-335.90 chở H1 từ nhà H1 đến khu rẫy trồng hành của anh Nguyễn Kỳ Đ thôn M, xã V, tỉnh Khánh Hòa. Tại đây T và H1 phát hiện tại rẫy của ông Đ có 02 cái mô tơ bơm nước đặt bên cạnh giếng nước, phát hiện không có người trông coi, T và H1 chiếm đoạt 02 cái mô tơ bơm nước này, T điều khiển xe mô tô chở H1 ôm theo 02 cái mô tơ về cất giấu tại bãi rác thôn M, xã V. Đến khoảng 09 giờ ngày 07/4/2025, T điều khiển xe mô tô chở H1 đến tiệm thu mua phế liệu của bà Ngô Thị D nhưng cửa tiệm đóng, chỉ để bảng thông tin có ghi số điện thoại. T gọi điện và hẹn bà D đến khu vực bãi rác tại thôn M để bán. Khoảng 10 giờ cùng ngày bà D đến bãi rác. T và H1 bán 02 cái mô tơ cho bà D được số tiền 270.000 đồng. T và H1 chia nhau mỗi người 135.000 đồng và đã tiêu xài hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 00 giờ ngày 09/4/2025, H1 cầm theo 01 cây kéo màu trắng, dài khoảng 25cm điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius, màu trắng, biển số 85C1-458.92 chở T đến khu vực Công trình dự án Resort S nhỏ thuộc địa phận thôn M, xã V. Khi đến công trình, T dừng xe mô tô bên bờ biển rồi cùng H1 đi bộ vào khu vực công trình đang thi công của dự án Resort Spa nhỏ. Tại đây, T và H1 phát hiện 200m dây điện, nhãn hiệu Daphaco, loại (3x2.5)mm, để bên cạnh giếng khoan trước phòng bảo vệ công trình, không có người trông coi nên T và H1 đã chiếm đoạt 200m dây điện này. T điều khiển xe mô tô chở H1 ôm theo 200m dây điện về cất giấu tại bãi rác thuộc thôn M, xã V. Đến khoảng 10 giờ ngày 09/4/2025, H1 lấy 01 cây kéo màu trắng, dài khoảng 25cm trong nhà H1, T điều khiển xe mô tô chở H1 quay lại bãi rác, H1 dùng kéo cắt 02 cuộn dây điện thành nhiều đoạn ngắn để đốt. Khi đốt được khoảng 2/3 số dây điện thì hết củi nên T và H1 cất giấu lại số dây điện còn lại để đốt sau, số đồng thu được sau khi đốt dây điện T và H1 đem tới một tiệm phế liệu trên địa bàn xã V bán được 1.200.000 đồng. T và H1 chia nhau mỗi người 600.000 đồng và đã tiêu xài hết.

Vụ thứ tư: Khoảng 23 giờ ngày 11/4/2025, T điều khiển xe mô tô biển số 85C1-458.92 chở H1 đến khu vực hồ Ô thuộc địa phận thôn M, xã V. Tại đây T phát hiện rẫy của ông Phan Văn T2 có 01 cái mô tơ bơm nước, T dừng xe lại và cùng H1 đi tới gỡ ống nhựa rồi trộm cắp cái mô tơ này, T chở H1 ôm theo mô tơ rồi chạy về bãi rác thôn M cất giấu. Đến khoảng gần 10 giờ ngày 12/4/2025 T tiếp tục gọi điện thoại cho bà Ngô Thị D và hẹn bà D đến khu vực bãi rác thôn M. T và H1 bán cái mô tơ này cho bà D với số tiền 170.000 đồng. T và H1 chia nhau mỗi người 85.000 đồng và đã tiêu xài hết.

Vụ thứ năm: Khoảng 00 giờ ngày 13/4/2025, H1 sử dụng xe mô tô biển số 85C1-458.92 chở T đến khu vực rẫy của ông Phạm Phú N1 thôn M, xã V. Tại đây T và H1 phát hiện 01 cái mô tơ bơm nước đặt bên cạnh cái giếng trong rẫy, T và H1 chiếm đoạt cái mô tơ bơm nước này, H1 điều khiển xe chở T ôm theo cái mô tơ về cất giấu tại bãi rác thôn M. Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 13/4/2025, T tiếp tục gọi điện thoại cho bà D và hẹn bà D đến khu vực bãi rác tại thôn M, xã V để bán. Khoảng 11 giờ ngày 13/4/2025 bà D đến bãi rác. T và H1 bán cái mô tơ cho bà D với số tiền 270.000 đồng. T và H1 chia nhau mỗi người 135.000 đồng và đã tiêu xài hết.

Vụ thứ sáu: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 16/4/2025, H1 sử dụng xe mô tô biển số 85C1-458.92 chở T đến khu vực bờ kè biển thuộc địa phận thôn M, xã V. Tại đây

T và H1 phát hiện 02 cái mô tơ bơm nước, trong đó 01 cái là của ông Nguyễn Văn Q và 01 cái của ông Phạm Tí Đ2 chung trong 01 ụ bê tông, được che lại bằng tấm bê tông và được khóa bằng xích sắt. Phát hiện không có người trông coi nên T và H1 nhặt cục đá bên bờ kè rồi đập nhiều cái làm bể một góc của tấm bê tông, T và H1 kéo tấm bê tông sang một bên rồi chiếm đoạt 02 cái mô tơ này. H1 điều khiển xe mô tô chở T ôm 02 cái mô tơ về cất giấu tại bãi rác thôn M. Đến khoảng 10 giờ ngày 17/4/2025, T tiếp tục gọi điện thoại cho bà D và hẹn bà D đến khu vực bãi rác thôn M. T và H1 bán 02 cái mô tơ này cho D với số tiền 400.000 đồng. T và H1 chia nhau mỗi người 200.000 đồng và đã tiêu xài hết.

Vụ thứ bảy: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 20/4/2025, T điều khiển xe mô tô biển số 85C1-458.92 chở H1 từ nhà H1 tại thôn M, xã V đến khu vực hồ Ô, khi đi H1 cầm theo 01 cây kéo màu trắng, dài khoảng 25cm. Tại đây T phát hiện có 01 xe máy ủi đất của anh Bùi Công T4 không có người trông coi, T và H1 đi tới xe máy ủi đất này thì thấy xe có gắn 02 cái bình ắc quy, H1 dùng kéo lần lượt cắt các sợi dây điện kết nối nguồn điện giữa bình với thiết bị của xe. Sau khi H1 cắt dây điện xong, T và H1 mỗi người bung 01 cái bình ắc quy đặt lên xe, T điều khiển xe mô tô chở H1 ôm 02 cái bình ắc quy và chở về bãi rác thôn M cất giấu. Đến khoảng 10 giờ ngày 21/4/2025, T điều khiển xe mô tô chở H1 đến bãi rác thôn M chở bình ắc quy đi bán tại một tiệm phế liệu trên địa bàn xã V với giá 750.000 đồng. T và H1 chia nhau mỗi người 375.000 đồng và đã tiêu xài hết.

Vụ thứ tám: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 23/4/2025, H1 sử dụng xe mô tô biển số 85C1-458.92 chở T đến khu vực chợ M, xã V, T và H1 thấy nhà của ông Nguyễn Đ1 đang xây dựng. H1 dừng xe lại rồi cùng T đi vào ngôi nhà không thấy ai trông coi, T và H1 tìm kiếm tài sản thì phát hiện có một kìm cộng lực cắt kim loại dài khoảng 80cm, lưỡi kìm bằng kim loại tối màu, dài khoảng 25cm, cán kìm bằng kim loại dài khoảng 55cm, được bọc bằng cao su màu xanh và cuộn dây điện màu đen. T và H1 chiếm đoạt số tài sản này, H1 điều khiển xe mô tô chở T ngồi sau ôm tài sản trộm cắp được về tới bãi rác thôn M cất giấu cuộn dây điện. Sau khi cất giấu đoạn dây điện thì lúc này khoảng 00 giờ ngày 24/4/2025, H1 tiếp tục chở T đem theo cái kìm cộng lực mới vừa trộm cắp được trước đó đi vào khu vực Hồ Ông K1 thuộc địa phận xã V. H1 tắt máy xe mô tô và giấu vào lề đường, T vác theo kìm cộng lực đi bộ thêm khoảng 50 mét thì thấy tại khu vực rẫy của ông Phạm Xuân N và ông Phạm Xuân H2 có 02 ụ bê tông bảo quản máy bơm nước không có người trông coi, hai ụ này cách nhau khoảng 30 mét, T và H1 lục lọi thì thấy trong mỗi ụ có 01 cái mô tơ máy bơm nước, được đặt lại bằng tấm tôn xi măng và được khóa cố định bằng xích sắt. T lần lượt dùng kìm cắt xích sắt cố định mô tơ bơm nước rồi cùng H1 bung 02 cái mô tơ này lên đường, chở T ôm 02 cái mô tơ về bãi rác thôn M cất giấu. Sau đó H1 chở T đến nghĩa trang T7, xã V cất giấu cái kìm cộng lực. Đến khoảng 10 giờ ngày 24/4/2025, T tiếp tục gọi điện thoại cho bà D và hẹn bà D đến khu vực bãi rác thôn M. Khoảng 11 giờ ngày 24/4/2025, bà D đến bãi rác. T và H1 bán 02 cái mô tơ cho bà D với số tiền 800.000 đồng nhưng do không đủ tiền mặt nên bà D trả trước số tiền 600.000 đồng, còn nợ lại số tiền 200.000 đồng. Đối với số tiền 600.000 đồng nói trên T và H1 chia nhau mỗi người 300.000 đồng để tiêu xài cá nhân, đến nay đã tiêu xài hết.

Sau khi bán 02 cái mô tơ T và H1 quay lại khu vực nghĩa trang thôn M, xã V để lấy cái kìm cộng lực cắt kim loại đã cất giấu trước đó nhưng đã bị ai đó lấy mất. T và H1 quay lại bãi rác thôn M lấy cuộn dây điện máy hàn cùng với số dây điện trộm cắp được tại công trình dự án R Spa nhỏ còn lại trước đó (số dây điện trộm cắp được vào ngày 09/4/2025) đốt lấy đồng để bán. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày T và H1 đốt xong, H1 chở T đến một tiệm phế liệu trên địa bàn xã V bán được số tiền 800.000 đồng. T và H1 chia nhau mỗi người 400.000 đồng, hiện đã tiêu xài hết.

** Vật chứng, xử lý vật chứng của vụ án:*

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐG ngày 27/6/2025 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện N (cũ) kết luận: 01 cái mô tơ bơm nước, không rõ nhãn hiệu, màu xám – đen, nặng 30kg, đã qua sử dụng có giá trị 1.300.000 đồng và 01 cái mô tơ bơm nước, không rõ nhãn hiệu, màu xám – đen, nặng 33kg, đã qua sử dụng có giá trị 1.500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà T và H1 trộm cắp ngày 24/4/2025 là 2.800.000 đồng;

- Bản kết luận định giá về tài sản số 01/KL-HĐĐGTS ngày 14/11/2025 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự xã V kết luận: 02 sợi dây điện máy hàn, lõi bằng đồng, được bọc bằng cao su cách điện màu đen, 01 sợi dài 10 mét còn 01 sợi dài 03 mét, được mua vào đầu năm 2021 có giá trị là 390.000 đồng và 01 chiếc kìm cắt kim loại, chiều dài tổng thể khoảng 80cm. Trong đó: phần lưỡi kìm bằng kim loại, dài khoảng 25cm, phần cán khoảng 55cm làm bằng ống thép tròn, tay cầm có 02 miếng lót bằng nhựa có giá trị là 400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà T và H1 đã trộm cắp ngày 23/4/2025 là 790.000 đồng;

- Bản kết luận định giá về tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 14/11/2025 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự xã V kết luận: 01 bình ắc quy, loại bình nước, nhãn hiệu “Đồng Nai” mua năm 2024 có giá trị là 720.000 đồng; 01 bình ắc quy, loại bình khô, nhãn hiệu “GS” cùng mua năm 2024 có giá trị là 520.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà T và H1 đã trộm cắp ngày 20/4/2025 là 1.240.000 đồng;

- Bản kết luận định giá về tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 14/11/2025 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự xã V kết luận: 01 mô tơ bơm nước, loại máy 2 ngựa, màu trắng, không rõ nhãn hiệu, được mua vào tháng 2/2025 có giá trị là 2.880.000 đồng và 01 mô tơ bơm nước, loại máy 2 ngựa, màu trắng, không rõ nhãn hiệu, được mua vào tháng 4/2023 có giá trị là 2.240.000 đồng. Tổng giá trị tài sản T và H1 đã trộm cắp ngày 16/4/2025 là 5.120.000 đồng;

- Bản kết luận định giá về tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 14/11/2025 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự xã V kết luận: 01 cái mô tơ bơm nước, không rõ nhãn hiệu, màu xanh, nặng 21kg, đã bị tháo thành nhiều bộ phận có giá trị 1.750.000 đồng. Giá trị tài sản mà T và H1 đã trộm cắp ngày 13/4/2025 là 1.750.000 đồng;

- Bản kết luận định giá về tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 14/11/2025 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự xã V kết luận: 01 mô tơ bơm nước, loại máy 1,5 ngựa, có màu xanh da trời, không rõ nhãn hiệu, mua năm 2023 có giá trị 1.380.000 đồng. Giá trị tài sản mà T và H1 đã trộm cắp ngày 11/4/2025 là 1.380.000 đồng;

- Bản kết luận định giá về tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 14/11/2025 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự xã V kết luận: 200m (mét) dây điện, nhãn hiệu Daphaco, loại 3x2.5mm có giá trị 900.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà T và H1 đã trộm cắp ngày 09/4/2025 là 900.000 đồng;

- Bản kết luận định giá về tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 14/11/2025 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự xã V kết luận: 01 cái mô tơ bơm nước, nhãn hiệu TOCO, màu xám, nặng 14,5kg, đã qua sử dụng có giá trị 750.000 đồng và 01 cái mô tơ bơm nước, không rõ nhãn hiệu, màu xanh, nặng 7,5kg, đã qua sử dụng có giá trị 500.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà T và H1 đã trộm cắp ngày 06/4/2025 là 1.250.000 đồng;

- Bản kết luận định giá về tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 14/11/2025 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự xã V kết luận: 02 bình ắc quy, có ký hiệu 100A có giá trị 3.230.000 đồng và 02 bình ắc quy, có ký hiệu 70A có giá trị 2.550.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà T và H1 đã trộm cắp ngày 04/4/2025 là 5.780.000 đồng.

Căn cứ kết quả điều tra xác định: Từ ngày 04/4/2025 đến ngày 24/4/2025, Phạm Văn T và Nguyễn Văn H1 đã thực hiện tổng cộng 08 vụ trộm cắp tài sản. Trong đó có 03 vụ T và H1 trộm cắp tài sản giá trị trên 2.000.000 đồng, với tổng giá trị thiệt hại là 14.490.000 đồng, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Ngày 04/4/2025, Phạm Văn T và Nguyễn Văn H1 đã chiếm đoạt của ông Phan Hữu An K tổng giá trị tài sản là 5.780.000 đồng.

Vụ thứ hai: Ngày 16/4/2025, Phạm Văn T và Nguyễn Văn H1 đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Q và ông Phạm T3 với tổng giá trị tài sản là 5.120.000 đồng.

Vụ thứ ba: Đêm ngày 23/4/2025 đến sáng ngày 24/4/2025, Phạm Văn T và Nguyễn Văn H1 đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Đ1, ông Phạm Văn N2 và ông Phạm Văn H3 với tổng giá trị tài sản là 3.590.000 đồng.

Đối với hành vi trộm cắp tài sản của Phạm Văn T và Nguyễn Văn H1 vào các ngày 06, ngày 09, ngày 11, ngày 13 và ngày 20/4/2025 với tổng giá trị tài sản các ngày đều dưới 2.000.000 đồng. Cơ quan CSĐT Công an tỉnh K sẽ chuyển hồ sơ, tài liệu đến Công an xã V, tỉnh Khánh Hòa để xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra xác định: Bị can Phạm Văn T và Nguyễn Văn H1 đã bán cho bà Ngô Thị D tổng cộng 08 cái mô tơ bơm nước, bà D bán lại cho người khác không rõ thông tin, địa chỉ 03 cái mô tơ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được; 03 cái mô tơ bà D bán lại cho anh Nguyễn T5, sinh năm 1982, trú tại: thôn K, xã V, tỉnh Khánh Hòa và 02 cái mô tơ sau khi mua bà D đang quản lý nên Cơ quan Cảnh sát điều tra thu hồi và đã trả lại cho chủ sở hữu.

Các tài sản còn lại gồm: 06 bình ắc quy, 01 cây kìm cắt kim loại, 200m dây điện nhãn hiệu Daphaco và 13m dây điện máy hàn các bị can đã bán cho điểm thu mua phế liệu trên địa bàn, các bị can không xác định được địa điểm cụ thể nơi bán tài sản nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu hồi được.

- Đối với 01 cái mô tơ bơm nước, không rõ nhãn hiệu, màu xám – đen, nặng 30kg, đã qua sử dụng là tài sản của ông Phạm Xuân H2, trú tại thôn M, xã V, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh K đã trao trả cho chủ sở hữu là ông Phạm Xuân H2 là có căn cứ và đúng pháp luật.

- Đối với 01 cái mô tơ bơm nước, không rõ nhãn hiệu, màu xám – đen, nặng 33kg, đã qua sử dụng là tài sản của ông Phạm Xuân N, trú tại thôn M, xã V, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh K đã trao trả cho chủ sở hữu là ông Phạm Xuân N có căn cứ và đúng pháp luật.
- Đối với 01 cái mô tơ bơm nước, nhãn hiệu TOCO, màu xám, nặng 14,5kg, đã qua sử dụng và 01 mô tơ bơm nước, không rõ nhãn hiệu, màu xanh, nặng 7,5kg, đã qua sử dụng là tài sản của ông Nguyễn Kỳ Đ, trú tại: thôn M, xã V, tỉnh Khánh Hòa, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh K đã trao trả cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Kỳ Đ có căn cứ và đúng pháp luật.
- Đối với 01 mô tơ bơm nước, không rõ nhãn hiệu, màu xanh, nặng 21kg, đã bị rã ra thành nhiều bộ phận là tài sản của ông Phạm Phú N1, trú tại: thôn M, xã V, tỉnh Khánh Hòa, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh K đã trao trả cho chủ sở hữu là Phạm Phú N1 có căn cứ và đúng pháp luật.
- Đối với xe mô tô biển số: 85B1-335.90 là phương tiện mà T thuê từ ngày 04/4/2025 đến ngày 07/4/2025 của Cửa hàng xe máy Vũ T6, do anh Trần Đăng V, sinh năm: 1977, trú tại thôn M, xã V, tỉnh Khánh Hòa là chủ sở hữu. Ông V không biết việc T thuê xe mô tô để sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên không tạm giữ, xử lý là đúng pháp luật.
- Đối với xe mô tô biển số: 85C1-458.92 là tài sản của mẹ ruột H1 là bà Phạm Thị L, sinh năm: 1974, trú tại thôn M, xã V, tỉnh Khánh Hòa. Bà L cho H1 mượn làm phương tiện đi lại từ đầu tháng 04/2025 đến cuối tháng 04/2025, bà L không biết việc H1 sử dụng xe mô tô biển số: 85C1-458.92 làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên không tạm giữ, xử lý là đúng pháp luật.
- Đối với cây kéo màu trắng, dài khoảng 25cm là công cụ mà H1 sử dụng cắt dây điện bình ắc quy nhằm trộm cắp tài sản. Ngày 24/4/2025, H1 đã vứt cái kéo này nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

** Về trách nhiệm dân sự:*

Các bị hại gồm: ông Phạm Xuân N, ông Phạm Xuân H2, ông Nguyễn Kỳ Đ và ông Phạm Phú N1 đã nhận lại tài sản của mình và không còn yêu cầu gì về dân sự.

Đối với các bị hại còn lại đã tự nguyện thỏa thuận dân sự với bị can Phạm Văn T và Nguyễn Văn H1, cụ thể: T và H1 bồi thường cho bị hại là ông Phan Hữu An K số tiền 6.000.000 đồng; bồi thường cho bị hại là ông Phan Văn T2 số tiền 2.000.000 đồng; bồi thường cho bị hại là ông Nguyễn Văn Q và bị hại là ông Phạm T3 mỗi người 1.500.000 đồng; bồi thường cho bị hại là ông Bùi Công T4 số tiền 1.000.000 đồng và bồi thường cho ông Nguyễn Đ1 số tiền 500.000 đồng. Các bị hại không yêu cầu thêm về dân sự.

Phạm Văn T và Nguyễn Văn H1 đã bồi thường cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Ngô Thị D và ông Nguyễn T5 số tiền mà T và H1 bán 05 cái mô tơ cho bà D, ông T5. Bà D, ông T5 không yêu cầu gì về dân sự.

Đối với hành vi của Ngô Thị D: Khi bán 08 cái mô tơ nước này cho bà D thì Phạm Văn T và Nguyễn Văn H1 nói các tài sản này là mô tơ của trại tôm giống bị hư nên T và H1 bán. Bà D hoàn toàn không biết 08 mô tơ nước này là do phạm tội mà có, do đó Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà Ngô Thị D về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng số: 07/CT-VKSKV6 ngày 15/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Văn H1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo T từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Xử phạt bị cáo H1 từ 18 tháng đến 24 tháng tù.

Các bị cáo không tranh luận gì thêm.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

-Bị cáo T nhận biết hành vi phạm tội của bị cáo là sai và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

-Bị cáo H1 nhận biết hành vi phạm tội của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6-Khánh Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.1]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa, vắng mặt các bị hại ông Phạm Xuân N, ông Phạm Xuân H2, ông Phan Hữu An K, ông Nguyễn Kỳ Đ, ông Phan Văn T2, ông Phạm Phú N1, ông Nguyễn Văn Q, ông Phạm T3, ông Bùi Công T4 có đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại ông Nguyễn Đ1 vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị D, ông Trần Đăng V có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của các bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên không ảnh hưởng đến việc xét xử sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hành vi phạm tội bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, phù hợp biên bản tạm giữ đồ vật và các tài liệu, chứng cứ được thu thập tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên từ ngày 04/4/2025 đến ngày 24/4/2025, Phạm Văn T và Nguyễn Văn H1 đã thực hiện tổng cộng 08 vụ trộm cắp tài sản. Trong đó có 03 vụ T và H1 trộm cắp tài sản giá trị trên 2.000.000

đồng, với tổng giá trị thiệt hại là 14.490.000 đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6-Khánh Hòa truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, nên cần xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4]. Đây là vụ án đồng phạm, nhưng hành vi của các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ nên đây là đồng phạm giản đơn. Vai trò của các bị cáo được đánh giá như sau: Do cần tiêu xài cá nhân nên khi bị cáo T rủ bị cáo H1 đi trộm cắp tài sản thì đồng ý thực hiện nên mức hình phạt của các bị cáo tương đương nhau.

[5]. Về nhân thân, tiền án, tiền sự: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo T có nhân thân tốt; Bị cáo H1 có nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 26/01/2021 Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận (cũ) xử phạt 1 năm 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích theo bản án số 02/2021/HS-ST. Ngày 20/8/2021 Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận (cũ) xử phạt 11 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, buộc Nguyễn Văn H1 phải chấp hành hình phạt chung 20 tháng tù, theo bản án số 23/2021/HS-ST.

[6]. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Phạm Văn T và Nguyễn Văn H1 phạm vào tình tiết tăng nặng “Phạm tội 2 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[8]. Về trách nhiệm dân sự:

- Các bị hại gồm: ông Phạm Xuân N, ông Phạm Xuân H2, ông Nguyễn Kỳ Đ và ông Phạm Phú N1 đã nhận lại tài sản của mình và không còn yêu cầu gì về dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với các bị hại còn lại đã tự nguyện thỏa thuận dân sự với bị can Phạm Văn T và Nguyễn Văn H1, cụ thể: T và H1 bồi thường cho bị hại là ông Phan Hữu An K số tiền 6.000.000 đồng; bồi thường cho bị hại là ông Phan Văn T2 số tiền 2.000.000 đồng; bồi thường cho bị hại là ông Nguyễn Văn Q và bị hại là ông Phạm T3 mỗi người 1.500.000 đồng; bồi thường cho bị hại là ông Bùi Công T4 số tiền 1.000.000 đồng và bồi thường cho ông Nguyễn Đ1 số tiền 500.000 đồng. Các bị hại không yêu cầu thêm về dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9]. Về biện pháp tư pháp:

- Đối với 01 cái mô tơ bơm nước, không rõ nhãn hiệu, màu xám – đen, nặng 30kg, đã qua sử dụng là tài sản của ông Phạm Xuân H2, trú tại thôn M, xã V, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh K đã trao trả cho chủ sở hữu là ông Phạm Xuân H2 là có căn cứ và đúng pháp luật.

- Đối với 01 cái mô tơ bơm nước, không rõ nhãn hiệu, màu xám – đen, nặng 33kg, đã qua sử dụng là tài sản của ông Phạm Xuân N, trú tại thôn M, xã V, Cơ quan

CSĐT Công an tỉnh K đã trao trả cho chủ sở hữu là ông Phạm Xuân N có căn cứ và đúng pháp luật.

- Đối với 01 cái mô tơ bơm nước, nhãn hiệu TOCO, màu xám, nặng 14,5kg, đã qua sử dụng và 01 mô tơ bơm nước, không rõ nhãn hiệu, màu xanh, nặng 7,5kg, đã qua sử dụng là tài sản của ông Nguyễn Kỳ Đ, trú tại: thôn M, xã V, tỉnh Khánh Hòa, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh K đã trao trả cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Kỳ Đ có căn cứ và đúng pháp luật.

- Đối với 01 mô tơ bơm nước, không rõ nhãn hiệu, màu xanh, nặng 21kg, đã bị rã ra thành nhiều bộ phận là tài sản của ông Phạm Phú N1, trú tại: thôn M, xã V, tỉnh Khánh Hòa, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh K đã trao trả cho chủ sở hữu là Phạm Phú N1 có căn cứ và đúng pháp luật.

- Đối với xe mô tô biển số: 85B1-335.90 là phương tiện mà T thuê từ ngày 04/4/2025 đến ngày 07/4/2025 của Cửa hàng xe máy Vũ T6, do anh Trần Đăng V, sinh năm: 1977, trú tại thôn M, xã V, tỉnh Khánh Hòa là chủ sở hữu. Ông V không biết việc T thuê xe mô tô để sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên không tạm giữ, xử lý là đúng pháp luật.

- Đối với xe mô tô biển số: 85C1-458.92 là tài sản của mẹ ruột H1 là bà Phạm Thị L, sinh năm: 1974, trú tại thôn M, xã V, tỉnh Khánh Hòa. Bà L cho H1 mượn làm phương tiện đi lại từ đầu tháng 04/2025 đến cuối tháng 04/2025, bà L không biết việc H1 sử dụng xe mô tô biển số: 85C1-458.92 làm phương tiện đi trộm cắp tài sản nên không tạm giữ, xử lý là đúng pháp luật.

- Đối với cây kéo màu trắng, dài khoảng 25cm là công cụ mà H1 sử dụng cắt dây điện bình ắc quy nhằm trộm cắp tài sản. Ngày 24/4/2025, H1 đã vứt cái kéo này nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

[10]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Xét đề nghị của Kiểm sát viên, về áp dụng điều luật, tội danh, mức hình phạt và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, mức hình phạt cũng như biện pháp tư pháp đối với bị cáo có căn cứ. Tuy nhiên, mức hình phạt đối với bị cáo sẽ được Hội đồng xét xử đánh giá khi lượng hình để có một bản án phù hợp với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

[11]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, các bị hại, các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo **Phạm Văn T, Nguyễn Văn H1** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

3. Xử phạt:

- Bị cáo **Phạm Văn T** 16 (*mười sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Bị cáo **Nguyễn Văn H1** 18 (*mười tám*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại ông Phạm Xuân N, ông Phạm Xuân H2, ông Nguyễn Kỳ Đ, ông Phạm Phú N1, ông Phan Hữu An K, ông Phan Văn T2, ông Nguyễn Văn Q, ông Phạm T3, ông Bùi Công T4, ông Nguyễn Đ1 không có yêu cầu gì khác về dân sự. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2026/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Văn H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29/01/2026). Riêng các bị hại, các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 6-Khánh Hòa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ, án văn./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Long

